

Bản án số: 53/2023/DS-ST  
Ngày 24 tháng 5 năm 2023  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Phụng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Sĩ Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 448/2022/TLST-DS ngày 04-11-2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 20-4-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 05-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Á1. Địa chỉ: Số D đường N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là:* Chị Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Số C đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 852/UQ-HĐQT ngày 19-8-2022). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồ Quốc Á, sinh năm: 1962, địa chỉ: Số B đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Á1 (Viết tắt A) và ông Nguyễn Hồ Quốc Á ký các Hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021 và thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019. Theo đó, A cho ông Á vay số tiền là 1.070.000.000đ (Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng). Mục đích cấp tín dụng để tiêu dùng có tài sản bảo đảm – tiêu dùng khác phù hợp quy định pháp luật – Mua sắm vật dụng gia đình và sửa chữa nhỏ.

Thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân tổng cộng 1.114.367.893đ (Một tỷ một trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm chín mươi đồng) cho ông Á theo các Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 24-5-2023 ông Á còn nợ số tiền là 745.263.492đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng) trong đó gồm nợ gốc là 603.226.893đ, lãi trong hạn là 24.809.123đ, lãi quá hạn 109.888.456đ, phạt chậm trả lãi là 7.339.020đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa 312 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố V đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 775515 số vào sổ CS 00488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04-12-2018 đứng tên ông Nguyễn Hồ Quốc Á, do ông Á thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29-01-2019 được Phòng C tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng ngày 29-01-2019 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29-01-2019.

A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Ông Á thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24-5-2023 là 745.263.492đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng) trong đó gồm nợ gốc là 603.226.893đ, lãi trong hạn là 24.809.123đ, lãi quá hạn 109.888.456đ, phạt chậm trả lãi là 7.339.020đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng); Ông Á trả tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi kể từ ngày 25-5-2023 cho đến khi ông Á trả xong nợ và thứ tự trả nợ là gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn; Trường hợp ông Á không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì A được quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa 312 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố V đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 775515 số vào sổ CS 00488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04-12-2018 đứng tên ông Nguyễn Hồ Quốc Á. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á1 thì yêu cầu ông Á tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Á1.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồ Quốc Á: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Á đến Tòa án làm việc nhưng ông Á không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của ông Á tại Công an phường T, thành phố V thì ông Á có cư trú tại địa chỉ số B đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông Á theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định ông Á có ký các Hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021 và thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019 vay tiền A, nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi suất phát sinh, phí phạt chậm trả lãi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Á trả cho A số tiền tính đến ngày 24-5-2023 là 745.263.492đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng) trong đó gồm nợ gốc là 603.226.893đ, lãi trong hạn là 24.809.123đ, lãi quá hạn 109.888.456đ, phạt chậm trả lãi là 7.339.020đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng). Ông Á còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 25-5-2023 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông Á không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì A được quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa 312 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 775515 số vào sổ CS 00488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04-12-2018 đứng tên ông Nguyễn Hồ Quốc Á. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á1 thì ông Á phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Á1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] A khởi kiện yêu cầu ông Á trả số tiền còn nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng và được giải ngân qua các khế ước nhận nợ giữa A và ông Á đã ký nên đây là quan hệ tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và ông Á

có địa chỉ thường trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Á có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tòa án triệu tập ông Á nhưng ông Á vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông Á theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Á.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của A thì thấy:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Bản kê tính lãi theo khách hàng, bảng tính lãi theo tài khoản thì ông Á vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất phát sinh, phí phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng. Vì vậy, A yêu cầu ông Á trả tiền nợ gốc và lãi suất là đúng quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh của các Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021 được giải ngân qua các Khế ước nhận nợ:

[3.1] Đối với yêu cầu ông Á trả số tiền nợ gốc là 603.226.893đ: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tổng số tiền ông Á vay của A là 1.114.367.893đ (Một tỷ một trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm chín mươi đồng), tính đến ngày 24-5-2023 ông Á đã trả số tiền nợ gốc cho A là 511.141.000đ (Năm trăm mười một triệu một trăm bốn một ngàn đồng), ông Á còn nợ gốc tổng số tiền là 603.226.893đ, đến nay ông Á không trả nợ gốc cho A. Như vậy, ông Á đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho A. Do đó, A yêu cầu ông Á trả số tiền nợ gốc còn lại là 603.226.893đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Á phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 603.226.893đ (Sáu trăm lẻ ba triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng) cho A.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24-5-2023 lãi trong hạn là 24.809.123đ: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021, Bản kê tính lãi theo khách hàng, bảng tính lãi theo tài khoản ngày 24-5-2023, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm và 11,3%/năm, xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp với



quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Về thời hạn trả lãi vay ông Á không trả đúng theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng nên đã vi phạm thời hạn trả lãi. Xét thấy, A yêu cầu ông Á thanh toán lãi trong hạn tính đến ngày 24-5-2023 là 24.809.123đ là đúng nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Á thanh toán lãi trong hạn tính đến ngày 24-5-2023 là 24.809.123đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm lẻ chín ngàn một trăm hai mươi ba đồng) cho A.

[3.2.1] Đối với lãi quá hạn là 109.888.456đ: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021 hai bên thỏa thuận lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Xét, ông Á vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thể hiện tại các bảng tính lãi theo tài khoản ngày 24-5-2023 do A cung cấp thì ông Á nợ tổng số tiền lãi quá hạn là 109.888.456đ. Do đó, A yêu cầu ông Á trả tiền lãi quá hạn là 109.888.456đ là đúng, phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Á phải thanh toán tiền lãi quá hạn là 109.888.456đ (Một trăm lẻ chín triệu tám trăm tám mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng) cho A.

[3.2.2] Về yêu cầu trả lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 7.339.020đ: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng nêu trên hai bên có thỏa thuận về lãi phạt chậm trả lãi. Xét thấy sự thỏa thuận về phạt lãi chậm trả lãi trong các Hợp đồng nêu trên phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Á trả số tiền phạt lãi chậm trả lãi là 7.339.020đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu ông Á trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 25-5-2023 đến khi trả xong nợ: Yêu cầu này của A là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, ông Á phải thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 25-5-2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho A.

[3.4] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 312 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 775515 số vào sổ CS 00488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04-12-2018 đứng tên ông Nguyễn Hồ Quốc Á, được Phòng C tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng ngày 29-01-2019 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29-01-2019 đã được thực hiện đúng theo quy định đăng ký thế chấp tài sản nên Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29-3-2023, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Trên thửa đất số 312 nêu trên có một căn nhà

cấp 4 một tầng, xây hết đất, kết cấu tường gạch, nền gạch bông, cổng sắt, cửa gỗ kính, mái tôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ ông Á đến Tòa án làm việc và tham gia buổi xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông Á vắng mặt nên không làm việc với ông Á. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 56 ngày 29-01-2019 và giấy cam kết ngày 11-6-2021 xác định ông Á độc thân chưa từng kết hôn với ai và qua xác minh thông tin của các hộ dân sống xung quanh cho biết ông Á sống một mình trên nhà đất nêu trên không có ai sống cùng ông Á.

Vì vậy, trường hợp ông Á không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì ACB được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp là thửa đất số 312 tờ bản đồ số 12, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 775515 số vào sổ CS 00488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04-12-2018 trên đất có một căn nhà cấp 4 một tầng trên thửa đất số 312 nêu trên để thu hồi nợ. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho A thì ông Á vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho A.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A được chấp nhận toàn bộ nên ông Á phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). A đã tạm ứng nộp đủ nên ông Á có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đ cho A.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A được chấp nhận là 33.810.539đ (Ba mươi ba triệu tám trăm mười ngàn năm trăm ba mươi chín đồng).

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317, 318, 319, 325 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019 ngày 11-01-2019; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á1 đối với bị đơn ông Nguyễn Hồ Quốc Á.

Buộc ông Nguyễn Hồ Quốc Á phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Á1 số tiền là 745.263.492đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 603.226.893đ (Sáu trăm lẻ ba triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng), lãi trong hạn là 24.809.123đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm lẻ

chín ngàn một trăm hai ba đồng), lãi quá hạn 109.888.456đ (Một trăm lẻ chín triệu tám trăm tám tám ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng), phạt chậm trả lãi là 7.339.020đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng) theo các Hợp đồng tín dụng số MYN.CN.3324.280119 ngày 29-01-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.333.260319 ngày 26-3-2019, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.1099.101220 ngày 11-12-2020, Hợp đồng cấp tín dụng số MYN.CN.3194.100621 ngày 11-6-2021.

Kể từ ngày 25-5-2023, ông Nguyễn Hồ Quốc Á còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất ông Á phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á1 cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tổ chức tín dụng cho vay.

Trường hợp ông Á không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Á1 được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 312 tờ bản đồ số 12, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 775515 số vào sổ CS 00488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04-12-2018 trên đất có một căn nhà cấp 4 một tầng trên đất để thu hồi nợ. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á1 thì ông Á phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Á1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Chi phí tố tụng: Ông Á phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ông Á có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á1 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Á phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 33.810.539đ (Ba mươi ba triệu tám trăm mười ngàn năm trăm ba mươi chín đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Á1 là 17.800.000đ theo biên lai thu số 0003420 ngày 02-11-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Phụng**





